TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TINH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25/10/2018

"V/v kiện xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông **Nguyễn minh p.**
Các Hội thẩm nhân dân :
1. Ông: **Phùng ngọc t.**
2. Bà: **Trần thị l .**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Thị Đ - Cán bộ Toà án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Không.

Hôm nay ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ kiện xin ly hôn thụ lý số: 76/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1403/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần văn t** - Sinh năm 1979.
Trú tại : Thôn Khuổi V, xã Ngọc L, huyện V, tỉnh H;
Nghề nghiệp: Công an viên xã Ngọc Linh. *(Có mặt tại phiên toà)*
Bị đơn: Chị : **Vi thị t** - Sinh năm 1978.
Trú tại : Thôn Khuổi V, xã Ngọc L, huyện V, tỉnh H;
Nghề nghiệp: Làm ruộng. *(Có mặt tại phiên toà)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 15 tháng 3 năm 2018 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án anh Trần văn t trình bày: Tôi và chị Vi thị t trước khi kết hôn xây dựng gia đình có được tìm hiểu nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc L, huyện A ngày 04/11/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến 2010 thì phát sinh mâu thuẫn lý do cũng chỉ vì quan điểm trong cuộc sống gia đình và các vấn đề khác không đồng thuận dẫn đến tình cảm không còn, từ tháng 7/2011 vợ tôi bỏ đi xuất khẩu lao động sang Malaysia đến tháng 8/2015 thì về nước tôi cũng cố gắng dung hòa cuộc sống vợ chồng được mấy tháng thì vợ tôi lại bỏ đi làm ở tỉnh Bắc N được một thời gian thì về nhà, được khoảng 3 tháng thì vợ tôi lại bỏ đi sang Trung Quốc làm, từ khi vợ tôi đi làm ở Băc N về tôi không muốn gần gũi vợ tôi nữa mặc dù mâu thuẫn

chưa đến mức nghiêm trọng, tôi cũng đã cố gắng dung hòa cuộc sống nhưng không thể kéo dài được, vì vậy tôi cảm thấy mệt mỏi không muốn sống chung cùng vợ tôi nữa và muốn ly hôn để có thể tránh được tình trạng này. Vậy tôi làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện A xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn chị Vi thị t.

Về con chung: Vợ chồng tôi có hai con chung là cháu: Trần Thanh T - Sinh ngày 07/4/2004; Chua Trần Thị Thanh L - Sinh ngày 15/6/2009, sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu L và tôi giao cháu T cho chị t chăm sóc nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng cho nhau.

Về tài sản chung: Chúng tôi có 01 ngôi nhà xây cấp 4 làm trên đất mượn của bố mẹ tôi tại thôn Khuổi V, xã Ngọc L, huyện A, trị giá 30.000.000đ, do chúng tôi không thỏa thuận được tài sản căn nhà nói trên vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Công nợ chung, riêng: Không có.

Tại bản khai của chị Vi thị t ngày 05/6/2018 trình bày: Vợ chồng chị trước khi kết hôn được tìm hiểu nhau, đăng ký kết hôn ngày 04/11/2003 tại UBND xã Ngọc L, huyện A, sau khi kết hôn xong vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn lý do là chồng tôi tự sang ở nhà mẹ đẻ mặc dù vợ chồng tôi đang chung sống cùng nhau từ đó vợ chồng tôi mới xảy ra cãi nhau vài lần còn chưa có gì mâu thuẫn lớn, từ lý do này anh T đòi ly hôn tôi, đến tháng 3/2017 vợ chồng tôi khắc tự chăm sóc bản thân không ai quan tâm đến ai, một lý do nữa là anh T nghe theo lời mẹ không về chung sống cùng tôi, xét thấy vợ chồng còn tình cảm yêu thương nhau vì đã có hai con mâu thuẫn chưa trầm trọng nên tôi có nguyện vọng được đoàn tụ.

Về con chung: : Vợ chồng tôi có hai con chung là cháu: Trần Thanh T - Sinh ngày 07/4/2004; Chua Trần Thị Thanh L - Sinh ngày 15/6/2009, do tôi không nhất trí ly hôn nên tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng tôi có một ngôi nhà cấp 4 hiện tại ba mẹ con tôi đang sống do không nhất trí ly hôn nên tôi không đề nghị giải quyết.

Công nợ chung, riêng: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án tiến hành hòa giải theo quy định nhưng anh t và chị t không tìm được tiếng nói chung mỗi người vẫn giữ nguyên ý kiến của mình nên Tòa án lập biên bản hòa giải không thành.

Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn, về phía chị T không nhất trí ly hôn vì mâu thuẫn chưa trầm trọng, vì các con cần phải có cha mẹ nên chị mong anh T quay về đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của anh Trần văn t về việc xin ly hôn với chị Vi thị t được Tòa án nhân dân huyện A thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39

của Bộ luật tố tụng dân sự; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng và hòa giải theo quy định tại Điều 205 đến Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh Trần văn t và chị Vi thị t tự nguyện tìm hiểu nhau để đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn hợp pháp năm 2003 tại UBND xã Ngọc L, huyện A, tỉnh Hà Giang, sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc và đã có hai con chung, thời gian từ năm 2016 trở về đây thì vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là anh T không chung sống cùng vợ và sang ở với mẹ đẻ nhà bên cạnh, hai bên không quan tâm đến nhau mặc dù đã có hai con chung, như vậy bản thân anh T sống không có trách nhiệm với gia đình mặc dù anh có điều kiện để quan tâm chăm sóc gia đình và nuôi dạy con cái: Về phía chị T cũng tha thiết mong muốn anh T suy nghĩ lại và quay lại với gia đình để chăm sóc nuôi dậy con cái vì nếu thiếu đi người cha hoặc người mẹ thì các cháu sẽ bị ảnh hưởng đến tâm lý cuộc sống, học hành và sự phát triển sau này.

[2.1] Hội đồng xét xử sau khi xem xét lời trình bày của hai bên trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được thấy rằng: Anh T là một người chồng, người cha nhưng bản thân anh T vẫn còn chểnh mảng không có trách nhiệm với gia đình bỏ mặc chị T muốn sống ra sao thì sống, mâu thuẫn giữa anh chị cũng chưa được cấp có thẩm quyền nào hòa giải, gia đình họ hàng hai bên cũng chưa khuyên can, nhắc nhở gì, qua xác minh tại địa phương thì vợ chồng anh T chị T không có điều tiếng gì, không mâu thuẫn gì lớn, anh T cũng không có bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, thực chất tình trạng hôn nhân của anh chị vẫn có thể khắc phục, hàn gắn được, mâu thuẫn chưa đến mức độ trầm trọng, bản thân anh T là công an viên của xã nên cũng cần phải có suy nghĩ chín chắn, đúng mực khi đã có gia đình thì phải có ý thức tích cực trong việc vun vén xây đắp gia đình cho hạnh phúc, bỏ qua những cám dỗ đời thường vì gia đình là tế bào của xã hội, gia đình có tốt thì xã hội mới ổn định, đây cũng là ý thức, trách nhiệm của mỗi công dân là làm tấm gương cho những gia đình khác noi theo, từ những phân tích trên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, xử bác đơn xin ly hôn của anh Trần văn t.

[2.2] Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***** Xử bác đơn xin ly hôn của anh Trần văn t về việc xin ly hôn chị Vi thị t.

*** Về án phí:**. Anh Trần văn t phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000,0đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 01906 ngày 24/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hà Giang là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn)*, anh T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định của điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

***Nơi nhận**:*
- VKSND huyện A;
- TAND tỉnh H;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngọc L, huyện A;
- THADS huyện A;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn minh p